TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 895/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Yến
2. Ông Lê Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 567/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc M – sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: 696C đường H, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thắm T – sinh năm 1972

Địa chỉ: 13/9 đường C, Phường K, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Thắm T vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 30/5/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn ông Trần Quốc M trình bày: Ông và bà Trần Thị Thắm T tự nguyện

kết hôn năm 2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 121 do Uỷ ban nhân dân Phường K, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5/8/2004), bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, sau này do bất đồng ý kiến, quan điểm trong công việc, cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 1 con chung là Trần Ngọc Mỹ Tr – sinh ngày 31/12/2005, sau khi ly hôn ông giao cháu Tr cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bà T để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn – bà Trần Thị Thắm T vắng mặt.

Nguyên đơn – ông Trần Quốc M trình bày: Ông là thợ làm quảng cáo, một tháng thu nhập từ 6-7 triệu, do đặc thù công việc nên ông thường xuyên phải đi công trình, có khi 1 tuần mới về nhà một lần nên thời gian chăm lo cho gia đình không nhiều, vợ chồng cũng ít nói chuyện với nhau nên tình cảm nhạt dần. Từ năm 2012 đến nay đã ly thân, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T, ông và bà T có một con chung là cháu Tr, từ khi ly thân cháu Tr ở với bà T nên ông giao con cho bà T nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Quốc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thắm T có nơi cư trú tại số: 13/9 đường C, Phường K, quận H,

Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Trần Quốc M có mặt. Bị đơn bà Trần Thị Thắm T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tống đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 7/8/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 27/8/2018 và biên bản tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 5/9/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 20/9/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 121 do Uỷ ban nhân dân Phường K, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5/8/2004 thì quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông M yêu cầu được ly hôn với bà T vì quá trình chung sống không hạnh phúc, từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết yêu cầu của ông M chứng tỏ bà T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 12 do Uỷ ban nhân dân Phường K, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2006 thì cháu Trần Ngọc Mỹ Tr – sinh ngày 31/12/2005 là con chung của ông Trần Quốc M và bà Trần Thị Thắm T.

Ông M yêu cầu giao cháu Tr cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của ông M thì từ khi vợ chồng ly thân (năm 2012) cháu Tr ở với bà T, ông M chỉ thỉnh thoảng đến thăm con và hàng tháng gửi tiền cấp dưỡng nuôi con, bà T không có ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của ông M, xác định cháu Tr hiện đang ở với T và quyết

định giao cháu Tr cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên để ổn định sinh hoạt, học hành của cháu Tr.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nuôi con là trách nhiệm của cả cha và mẹ, thu nhập hàng tháng của ông M từ 6.000.000đ - 7.000.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M và buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000đ/tháng.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này bà T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Trần Quốc M.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc M được ly hôn bà Trần Thị Thắm T.

b. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Ngọc Mỹ Tr – sinh ngày 31/12/2005 cho bà Trần Thị Thắm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng ông Trần Quốc M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Mỹ Tr

2.000.000đ (Hai triệu đồng), thực hiện từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu Trần Ngọc Mỹ Tr thành niên

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Quốc M trình bày không có, nếu sau này bà Trần Thị Thắm T có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Quốc M chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Quốc M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0008467 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Quốc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm

2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Trần Quốc M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Thắm T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương